

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 83

Số từ câu: “Thứ nhất là mười Ma” tiếp xuống” Là nói về tác hại của một Ma. Văn nơi phần Số giải gồm ba:

Một: Giải thích tổng quát về nghĩa của Ma.

Hai: Từ câu: “Nhưng bốn Ma” tiếp xuống: Là đối chiếu với bốn Ma để biện giải về chỗ khác nhau.

Ba: Từ câu: “Như muốn thâm tóm” tiếp xuống: Là dùng bốn Tướng để thâm tóm.

Số từ câu: “Hai là có mười nghiệp của Ma” tiếp xuống: Văn gồm hai:

Một: Giải thích chung về Tướng của Nghiệp.

Hai: Từ câu: “Trong một thì một là do” tiếp xuống: Là giải thích văn.

Số từ câu: “Hai là ở nơi chỗ ngăn chặn, hóa độ” tiếp xuống: Là giải thích câu thứ hai. Gồm hai:

Thứ nhất: Giải thích tổng quát về ý của văn.

Thứ hai: Từ câu: “Phàm là đạo đích thực” tiếp xuống: Là nêu lý. Gồm hai chi tiết:

Một là: Căn cứ nơi Trí để nêu bày. Tức sự ngăn chặn và Hóa độ cả hai cùng mất.

Hai là: Từ câu: “Lại, do Bi giáo hóa Ác” tiếp xuống: Là căn cứ nơi đại bi để thuyết minh. Gồm hai:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Huống chi Ác là sự hỗ trợ cho Thiện” tiếp xuống: Tức mượn ý của Lão Tử để giải thích, xác nhận về nghĩa trên. Ý này tức nơi sách Đạo đức Kinh, chương ba mươi bảy, Thiên Thượng. Văn đầy đủ là: “Khéo đi thì không để lại dấu xe, vết chân. Khéo nói thì không có lỗi lầm. Khéo tính toán thì không dùng thẻ. Khéo đóng thì không dùng then cài mà mở không được. Khéo buộc thì không dùng dây mà

cởi không ra”.

**Giải thích:** Vô Tâm ở nơi năm thứ ấy thì sao có dấu vết, vết chân? Tiếp theo, viết: “Cho nên Thánh nhân giỏi cứu người mà không ai bị bỏ. Giỏi cứu vật mà không vật nào bị bỏ. Như vậy là đức của mình, của người và vật cùng nhau sáng tỏ. Giải thích: “Tâm đã không có hệ thuộc ở chỗ có thể và không thể thì đâu có chỗ nào bỏ!” Tiếp nói: Cho nên người Thiện là Thầy của người chẳng Thiện. Người chẳng Thiện là trợ giúp của người thiện chẳng quý trọng đó là Thầy, chẳng yêu thích đó là trợ giúp, mặc dù biết mà mê lớn. Đó là vi diệu chính yếu. Giải thích: Câu này có hai ý: 1) Mật ý: Tuy người thiện mẫu mực là Thầy, người Ác là trợ giúp mà đều chẳng quý, chẳng yêu, cả hai đều bật dứt đó là đức của sự huyền diệu. Người phạm tục tuy biết mà mê nhiều. Đối với Đạo thì gọi đó là sự vi diệu chính yếu. 2) Ý hiển lộ: Thiện là pháp để theo, Ác là trợ giúp của ta, mà chẳng yêu chẳng quý thì tức tuy biết Thiện ác mà chính là mê lầm lớn. Thiện, ác đều là Thiện đó gọi là sự vi diệu chính yếu.

Nay phần Số giải dùng ý này để nói về việc khiến giáo hóa đối tượng xấu ác.

Số từ câu: “Nay nói về phần một tức là Quả hiện” tiếp xuống: Văn nơi phần Số giải gồm sáu:

Một: Lãnh hội chỗ đồng với văn ở trước.

Hai: Giải thích nghĩa thấy Phật.

Ba: Theo văn để giải thích.

Bốn: Tổng kết về sự Viên dung.

Năm: Thâu tóm thành đối.

Sáu: Hiển bày chung về sự bao hàm.

Một: Câu: “Trong đó, chỗ nhận thấy tức là một Phật đã nêu ở trước”: Là nơi quyển thứ năm mươi ba, phần cuối Phẩm một Tín.

Nhưng sách “Thám Huyền Ký” (của đại sư Hiền Thủ) đã dẫn Kinh Pháp tập nói Bồ-tát hội nhập mười thứ pháp thì có thể nhận biết về chư Phật. Những gì là mười pháp? Đó là:

- 1) Phật tập khí.
- 2) Phật Tam muội.
- 3) Phật tâm.
- 4) Phật đồng.
- 5) Phật cúng dường.
- 6) Phật Quả báo.
- 7) Phật Nguyên.

8) Phật thật.

9) Phật Hóa.

10) Phật hình tượng.

Cho đến nói rộng. Nếu muốn kết hợp để lãnh hội thì Tập khí tức nghĩa tương đương với Phật Tùy lạc. Quả báo tức là Phật nghiệp báo. Ba loại tiếp theo hoàn toàn đồng với Phật thật, nghĩa chính là Pháp giới. Phật đồng Phật tức là Bản tánh, Bản tánh đồng. Hóa tức là Niết-bàn Phật. Cúng dường tức là Chánh. Phật hình tượng tức là Phật trụ trì.

Từ câu: “Nhưng trong đó nêu rõ về thấy” tiếp xuống: Là phần hai giải thích về nghĩa thấy Phật. Cũng gồm ba:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Từ câu: “Nếu Bồ-tát” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để hiển bày.

Ba: Từ câu: “Cũng chẳng thể đạt được” tiếp xuống: Là ngăn chặn sự biện hộ giúp.

Tức e có sự biện hộ: Một nữa căn cứ nơi chủ thể nhận thấy, như không chấp trước về Phật v.v... Một nữa thì căn cứ nơi đối tượng được nhận thấy, như xuất sinh v.v... há chẳng là chung? Nên ở đây đã ngăn chặn: Chẳng thể cho một nữa căn cứ nơi chủ thể, đối tượng khiến người bị lầm, dùng sự giải thoát không căn do, nên mười thứ nghĩa của việc thấy trở nên lẫn lộn.

Sớ từ câu: “Một là không chấp trước” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích văn. Giải thích một câu này, văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một là: Chính thức giải thích về Chánh giác, nêu lên đối tượng được thấy kia.

Không chấp trước tức là Tướng của Chánh giác.

Hai là: Từ câu: “Lại, không có Tuệ tà” tiếp xuống: Là nói về hai nghĩa Chánh giác, không chấp trước, chẳng đồng, đối tượng được thấy, chủ thể thấy đều phải gồm đủ cả hai. Nay, đối tượng được thấy có đức Chánh giác viên mãn, nên lược câu: “Không có Tuệ tà nào mà chẳng lia”. Chủ thể thấy tức có Trí không tà mà chẳng lia, lược bớt câu: “Không có Chánh đức nào mà chẳng viên mãn”.

Nay trong Phật lấy thêm nghĩa không chấp trước. Trong chủ thể thấy lấy thêm nghĩa Chánh giác. Vì thế, văn nơi phần Sớ giải nói: Tức Phật và sự thấy tóm lược, bổ sung.

Ba là: Từ câu: “Đây tức là” tiếp xuống: Là phần ba tóm kết, xác nhận về nghĩa chung riêng.

Sớ từ câu: “Hai Thừa nguyện xuất sinh, văn ở đây nói” tiếp xuống:



Là dẫn chứng. Tức văn nơi phẩm Hoa Tạng.

Từ câu: “Lại, nhân nơi nguyện này” tiếp xuống: Trên là căn cứ nơi sinh thân, đây thì căn cứ nơi sinh đức.

Sớ Câu: “Nên phần sau, đồng tử Thiện Tài v.v...”: Là dẫn chứng. Tức nơi quyển thứ bảy mươi bảy nói về Thiện Tài tu quán, ở đây căn cứ nơi Chân Thân. Lại nói: “Tất cả Hóa Phật từ tâm tôn kính phát sinh”, nên biết rõ tôn kính thuộc nơi căn cơ, có thể thấy Hóa thân. Còn Tín thuộc nơi Phật, nhân tín mà thành quả.

Sớ câu: “Cũng có thể khiến người nhận thấy, tin”:

Trên là căn cứ nơi Chân thân, Tín tự thuộc về Phật. Nay dựa theo Chân thân thì Tín cũng thuộc về căn cơ, vì tướng hảo trang nghiêm hiển bày do đầy thành tựu nên khiến đối tượng tin tưởng.

Sớ câu: “Bốn là tùy thuận chúng sinh”: Tức là ý trong Luận.

Từ câu: “Lại, tùy thuận chúng sinh, dùng âm thanh viên mãn” tiếp xuống: Là ý của đại sư Hải Đông. Trong phần “Bàn về chỗ Huyền diệu” đã hiển bày, do chẳng trái với lý chính nên cùng nêu ra.

Sớ câu: “Hội nhập sâu xa về Niết-bàn, nên có thể thị hiện diệt độ”: Tức đạt được Niết-bàn Vô trụ thì có thể kiến tạo sự việc lớn.

Nói: “Đi sâu nơi sinh tử nên thị hiện diệt độ chẳng phải là Chân”: Tỏ ngộ về Tánh của sinh tử tức Niết-bàn Tánh tịnh, nên biết thị hiện diệt độ chẳng phải là diệt độ đích thực, do xứng hợp với tánh thường trụ.

“Sáu là Pháp thân”: Tức trước hết do Như, Trí kế hợp, gồm đủ các đức là Pháp thân. Cho nên viết: “Viên mãn nơi Pháp giới”. Pháp giới là đối tượng được viên mãn, nên phần sau căn cứ nơi Thân Pháp tánh gọi là Thể của Phật.

Sớ câu: “Bảy là an trụ trạm nhiên” (vắng lặng, an nhiên): Là giải thích về sự nhận thấy an trụ. Tánh của Chân duy thức tức là Phật tâm.

Sớ câu: “Tám là tịch tĩnh, không nương dựa”: Là giải thích về nghĩa nhận thấy một.

Tiếp theo, dùng “Không nương dựa” để giải thích Phật Tam muội. Sau, Từ câu: “Tiếp xúc với các loại” tiếp xuống: Là giải thích về nghĩa Vô lượng.

Sớ câu: “Chín là bình đẳng”: Cũng giải thích hai nghĩa:

Một: Chủ thể, đối tượng kết hợp biện minh.

Hai: Từ câu: “Bản giác” tiếp xuống: Là chỉ căn cứ nơi Lý để nêu bày.

Sớ từ câu: “Mười là tùy theo ý của Tự, Tha” tiếp xuống: Là nói

về Ý sinh Thân. Có ba nghĩa:

Một: Nhanh chóng như ý.

Hai: Tùy theo tự ý nên thành.

Ba: Tùy chỗ ưa thích nơi ý của người khác.

Nay dùng hai nghĩa sau để giải thích chữ “Tùy chỗ ưa thích”. Tùy chỗ ưa thích của mình, nên thọ nhận khắp nơi Pháp thân. Tùy chỗ ưa thích của người khác, nên muốn thọ nhận về loại nào đều được.

Sớ từ câu: “Dựa nơi một sự nhận thấy nêu trên” tiếp xuống: Là phần bốn, tổng kết về sáu Tướng viên dung (Phần ba là Giải thích văn).

Tức:

Tổng tướng là một Phật

Biệt tướng là phần làm mười.

Đồng tướng là gắn liền nơi Phật.

Dị tướng tức là thành Chánh giác với tướng hảo v.v... sai biệt.

Thành tướng tức bao quát cả một cùng thành nghĩa của Chân Phật.

Hoại tướng tức một Thân đều trụ nơi tự tánh.

Sớ từ câu: “Lại, một loại ấy” tiếp xuống: Là phần năm, thâm gọn thành đối.

Sớ từ câu: “Lại, mười sự nhận thấy này đều có mười nghĩa” tiếp xuống: Là phần sáu, tóm kết xác nhận sự bao hàm. Tức ý của đại sư Hải Đông. Đại sư Hải Đông đã thuận theo Tấn kinh, nên tên gọi có mấy chỗ khác biệt. Nay chọn lấy nghĩa cũng có những sai khác nhỏ. Ở đây căn cứ trực tiếp nơi chỗ tương ứng của kinh này để dẫn chứng.

Một: “Phật Chánh giác, chỗ nhận thấy không chấp trước”: Có mười thứ không chấp trước. Tức nơi Phẩm này nêu: “Đó là, ở nơi tất cả thế gian không chấp trước. Ở nơi tất cả chúng sinh không chấp trước. Ở nơi tất cả các pháp không chấp trước. Ở nơi tất cả chỗ tạo tác không chấp trước. Ở nơi tất cả thiện căn không chấp trước. Ở nơi tất cả chúng sinh không chấp trước, đối với tất cả các nguyện không chấp trước. Ở nơi tất cả Hành không chấp trước. Ở nơi tất cả Bồ-tát không chấp trước. Ở nơi tất cả Phật không chấp trước. Mười thứ này tuy nhân thấu triệt nơi quả vị, nên tất cả không chấp trước. Nhưng nơi phẩm Bát Tư Nghị thì mười thứ thanh tịnh của Quả lìa cũng là Quả không chấp trước.

Hai: “Phật nguyện, chỗ nhận thấy là xuất sinh”: Cũng có mười thứ xuất sinh. Phẩm Bát Tư Nghị viết: “Chư Phật Thế Tôn có mười thứ niệm niệm xuất sinh Trí. Những gì là mười? Một là, Tất cả chư Phật ở trong một niệm, đều có thể thị hiện vô lượng thế giới, từ cõi Trời hạ

sinh. Hai là: Bồ-tát thọ sinh. Ba là: Xuất gia học đạo. Bốn là: Nơi cội Bồ đề thành đấng Chánh giác. Năm là: Chuyển pháp luân vi diệu. Sáu là: Giáo hóa chúng sinh, cúng dường chư Phật. Bảy là: Chẳng thể nêu, nói về đủ loại Thân Phật. Tám là: Đủ loại trang nghiêm. Vô số trang nghiêm nơi Tạng Nhất Thiết Trí tự tại của Như Lai. Chín là: Vô lượng, vô số chúng sinh thanh tịnh. Mười là: Chư Phật trong ba đời, với vô số căn tánh, vô số sự tinh tấn, vô số sự hành hóa, lãnh hội ở nơi ba đời thành đấng Chánh giác”.

**Giải thích:** Về các số từ số hai là trở đi, câu câu đều như câu một, có câu: “Tất cả chư Phật” cho đến “Thế giới”. Tức là từ Hậu Đắc Trí, nguyện sinh tám Tướng.

Ba: “Phật Nghiệp báo, sự nhận thấy là tin tưởng sâu xa”.

Nếu căn cứ theo sự trang nghiêm thì phải như Phẩm Bất Tư Nghị nói về mười thứ trang nghiêm vô thượng, tối thắng. Nay chọn lấy Hành của Nhân, tức nơi Phẩm Bất Tư Nghị, trong Quả không nói đến. Ở đây là căn cứ nơi Phẩm mười Tạng: Tin tất cả Pháp là Vô tướng. Tin tất cả Pháp là Vô nguyện. Tin tất cả Pháp là không tạo tác. Tin tất cả Pháp là không phân biệt. Tin tất cả Pháp là không có chỗ dựa. Tin tất cả Pháp là chẳng thể lường tính. Tin tất cả Pháp là không có gì hơn. Tin tất cả Pháp là khó siêu vượt. Tin tất cả Pháp là không sinh”.

**Giải thích:** Do những thứ ấy làm nhân nên thành Quả. Cũng có thể xem như mười thứ tin tưởng trong mười địa.

Bốn: “Phật trụ trì, chỗ nhận thấy là tùy thuận”: Nếu căn cứ mỗi chỗ tùy thuận chúng sinh để pháp Phật được an trụ, duy trì, thì tức là mười thứ vì chúng sinh mà làm Phật sự. Phẩm Bất Tư Nghị viết: “Chư Phật Thế Tôn có mười thứ vì chúng sinh mà làm Phật sự. Những gì là mười? Một là: Tất cả chư Phật thị hiện sắc thân, vì chúng sinh làm Phật sự. Hai là: Phát ra âm thanh vi diệu. Ba là: Có chỗ thọ nhận. Bốn là: Không có đối tượng được thọ nhận. Năm là: Dùng bốn đại chủng (đất, nước, gió, lửa). Sáu là: thần lực tự tại, thị hiện tất cả cảnh giới của đối tượng được duyên. Bảy là: Vô số danh hiệu. Tám là: Dùng cảnh giới của cõi Phật. Chín là: Làm nghiêm tịnh cõi Phật. Mười là: Vắng lặng không ngôn từ.

**Giải thích:** Phần trên của câu đều có cụm từ: “Tất cả chư Phật”. Phần dưới cả của câu thì có: “Làm Phật sự”, giống như nơi câu một. “Vắng lặng, không ngôn từ” tức xá lợi của tự thân được an trụ duy trì tự tại. Nếu căn cứ nơi “Viên âm trụ trì” tức như phần văn tiếp sau: “Như Lai Ứng Chánh đấng Giác, khi chuyển pháp luân đã dùng mười sự việc,

nên ở nơi Tâm của chúng sinh đã gieo trồng pháp thanh tịnh, không có bỏ uổng qua”, tức là nghĩa tùy thuận. Những gì là mười? Đó là:

*Nguyện lực của quá khứ.*

*Duy trì tâm đại bi.*

*Chẳng lìa bỏ chúng sinh.*

*Trí tuệ tự tại.*

Tùy chỗ ưa thích của họ mà giảng chánh pháp.

Quyết định đúng thời, chưa từng để mất.

Tùy chỗ thích nghi, không thuyết viễn vọng (vọng thuyết).

Thân tướng thù thắng tối thượng không gì sánh kịp.

Ngôn từ tự tại không ai có thể chỉnh sửa

Trí tuệ tự tại, theo lời nói ra thấy nhằm khai ngộ.

Năm là: “Phật Niết-bàn, chỗ nhận thấy là hội nhập sâu xa”.

Tức nơi Phẩm Xuất Hiện viết: “Muốn nhận biết về đại Niết-bàn của Như Lai thì phải thấu tỏ về tự tánh căn bản”.

**Giải thích:** Thấu tỏ tức là nghĩa “Hội nhập sâu xa”

**Kinh viết:** “Như Niết-bàn của Chân như, Niết-bàn của Như Lai cũng thế. Hai là Thật tế. Ba là: Pháp giới. Bốn là: Hư không. Năm là: Pháp tánh. Sáu là: Lìa biên vực của dục. Bảy là: Biên vực Vô tướng. Tám là: Biên vực của Tánh Ngã. Chín là: Biên vực của Tánh nơi tất cả pháp. Mười là: Biên vực của Chân như.

**Giải thích:** Văn đầy đủ đều như câu đầu. Thấu tỏ như thế gọi là “Hội nhập sâu xa”.

Sáu là: “Phật Pháp giới, chỗ nhận thấy là đi đến khắp”.

Nếu căn cứ thẳng nơi Pháp giới mà nói, thì như “Phần Hồi Hưởng đến tất cả nơi chốn” viết:

“Ví như Thật tế, không nơi chốn nào là không đến”.

Đến tất cả đối tượng.

Đến tất cả thế gian.

Đến tất cả chúng sinh.

Đến tất cả quốc độ.

Đến tất cả Pháp.

Đến tất cả Hư không.

Đến tất cả ba đời.

Đến tất cả pháp Hữu vi, Vô vi.

Đến tất cả ngôn ngữ, âm thanh.

Nhưng nơi văn nay chỉ có chín nên phần “Hữu vi, Vô vi” được phân làm hai. Nếu dựa theo Phật nêu trên để biện minh về chỗ “đi đến



khấp”, tức nơi Phẩm Bất Tư Nghị viết: “Phật tử! Chư Phật Thế Tôn có mười thứ pháp hiện hữu khắp Pháp giới. Những gì là mười? Đó là:

1) Tất cả chư Phật có Thân tướng không giới hạn với sắc tướng thanh tịnh, đi vào khắp các cõi mà không nhiễm, vướng.

2) Có Mắt không bị chướng ngại, đối với hết thảy các pháp đều có thể thấy rõ.

3) Có Tai Vô ngại, đều có thể hiểu rõ về mọi thứ âm thanh.

4) Có Mũi có thể dẫn đến bờ giác ngộ tự tại của chư Phật.

5) Có Lưỡi dài rộng phát ra âm thanh vi diệu hiện khắp Pháp giới.

6) Có Thân tướng ứng hợp với Tâm của chúng sinh cùng khiến họ được thấy.

7) Có Ý trụ nơi Pháp thân bình đẳng, không ngăn ngại.

8) Có sự giải thoát Vô ngại thị hiện về diệu lực của thần thông lớn vô tận.

9) Có thế giới thanh tịnh, tùy chỗ ưa thích của chúng sinh hiện bày các cõi Phật với vô số thứ trang nghiêm, nhưng ở trong ấy không sinh nhiễm, vướng.

10) Có Hạnh nguyện của Bồ-tát, đạt được Trí viên mãn, với diệu dụng tự tại, đều có thể thông đạt tất cả pháp Phật.

Giải thích: Trong mười câu trên, đều như câu đầu, có câu: “Tất cả chư Phật có ... không giới hạn”. Riêng nơi phần nói về Lưỡi ( câu năm) đã có tướng dài rộng nên không có các từ “Không giới hạn”.

Bảy là: “Phật Tâm, chỗ nhận thấy là an trụ”:

Phẩm Bất Tư Nghị viết: “Chư Phật Thế Tôn có mười thứ an trụ Vô lượng. Đó là:

Thường trụ nơi đại bi.

Trụ nơi vô số các loại Thân làm các Phật sự.

Trụ nơi ý bình đẳng, chuyển pháp luân thanh tịnh.

Trụ nơi bốn biện tài thuyết giảng vô lượng pháp.

Trụ nơi tất cả pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Trụ nơi âm thanh thanh tịnh hiện khắp vô lượng cõi.

Trụ nơi pháp giới thâm diệu chẳng thể nêu bày, hiện rõ tất cả thần thông tối thắng.

Trụ nơi chỗ có thể mở bày, chỉ rõ về pháp rốt ráo không có chướng ngại.

**Giải thích:** Đây là chỗ an trụ của Tâm Phật. Kinh chỉ có chín câu (ở trên chỉ có tám câu?) nên phải chia phần “Âm thanh thanh tịnh, hiện

khắp vô lượng cõi” ra làm hai.

Tám là: “Phật Tam muội, chỗ nhận thấy là Vô lượng, không nương tựa”: Phẩm Bát Tư Nghị viết: “Chư Phật Thế Tôn có mười thứ Tam muội Phật Vô lượng, chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là mười? Đó là:

1) Tất cả chư Phật thường ở nơi Chánh định, trong một niệm biến hiện khắp tất cả nơi chốn, vì chúng sinh giảng nói rộng về Pháp vi diệu.

2) Khắp vì chúng sinh thuyết giảng về Biên vực Vô ngã.

3) Hội nhập khắp ba đời.

4) Hội nhập khắp cõi Phật rộng lớn trong mười phương.

5) Hiện bày khắp Vô lượng các loại Thân Phật.

6) Tùy nơi vô số tâm lãnh hội của các chúng sinh, hiện bày về Thân, Ngữ, Ý.

7) Thuyết giảng tất cả Pháp liạ dục, đạt cõi Chân.

8) Diễn nói về tự tánh của tất cả duyên khởi.

9) Thị hiện vô lượng thứ trang nghiêm rộng lớn thuộc thế gian, xuất thế gian, khiến các chúng sinh luôn được thấy Phật.

10) Khiến cho các chúng sinh thấy đều thông suốt tất cả pháp Phật vô lượng giải thoát rốt ráo, đạt tới bờ giác ngộ vô thượng.

Giải thích: Văn nơi các câu đầy đủ đều như câu đầu, có câu: “Tất cả chư Phật ở nơi chánh định, trong một niệm biến hiện khắp tất cả nơi chốn...” tuy có vô lượng các pháp trên mà nhưng Tâm không có chỗ nương tựa.

Chín là: “Phật bản tánh, chỗ nhận thấy là thấu tỏ”.

Thấu tỏ tức là Trí Thân. Nơi quyển thứ bốn mươi bảy, kinh viết: “Chư Phật Thế Tôn có mười thứ nhận biết về chỗ tận cùng, rốt ráo của tất cả các pháp”. Những gì là mười? Đó là:

1) Nhận biết về chỗ tận cùng, rốt ráo của tất cả các pháp quá khứ.

2) Nhận biết về tất cả pháp vị lai.

3) Nhận biết về tất cả pháp hiện tại.

4) Nhận biết về tất cả về pháp ngôn ngữ.

5) Nhận biết về Tâm của tất cả chúng sinh.

6) Nhận biết về thiện căn của tất cả Bồ-tát với đủ loại phần vị thượng, trung, hạ.

7) Nhận biết về Trí viên mãn của tất cả Phật cùng các thiện căn không tăng giảm.

8) Nhận biết tất cả các pháp đều từ duyên khởi.

9) Nhận biết về chủng loại của tất cả thế giới.

10) Nhận biết về các sự sai biệt như Lưới báu Nhân đà La trong tất cả pháp giới.

**Giải thích:** Mười câu trên đều có câu: “Tận cùng, rốt ráo”.

Mười là: Phật tùy lạc, chỗ nhận thấy là thọ nhận khắp”:

Có thể thọ nhận khắp, tùy chỗ ưa thích để hiển bày. Tức nơi quyển thứ bốn mươi sáu. Kinh viết: “Chư Phật Thế Tôn, ở nơi tất cả thế giới, tất cả thời, có một thứ Phật sự. Những gì là mười?”

1) Nếu có chúng sinh chuyên tâm nhớ nghĩ, tức thì hiện tiền.

2) Nếu có chúng sinh tâm chẳng thuận hợp, tức vì họ mà thuyết pháp.

3) Nếu có chúng sinh có thể sinh sự tin tưởng thanh tịnh, ắt khiến họ đạt được Vô lượng thiện căn.

4) Nếu có chúng sinh có thể dựa vào thứ bậc nơi các pháp, thì thấy đều làm cho họ có thể hiện chứng, không gì là không thấu tỏ.

5) Giáo hóa chúng sinh không hề chán mệt.

6) Đi đến các cõi Phật.

7) Tâm đại bi chẳng lìa bỏ chúng sinh.

8) Hiện thân biến hóa, luôn không đoạn tuyệt.

9) thân thông tự tại, chưa từng dừng nghỉ.

10) An trụ nơi pháp giới, có thể quán sát khắp.

**Giải thích:** Đây tức là tùy thuận khắp về chỗ thọ nhận của chúng sinh.

Sớ từ câu: “Lại như Luận Du Già quyển thứ chín mươi chín” tiếp xuống: Là giải thích lần nữa về Tịnh giới. Gồm hai:

Một: Nêu lên đối tượng được đối trị.

Hai: Từ câu: “Cũng có năm Tướng” tiếp xuống: Là nêu rõ về Chủ thể đối trị. Năm thứ này có thể đối chiếu với năm phần trước để làm rõ. Chỉ có tướng thứ ba, bốn không đúng thứ tự. 1) Do Phật chấp thuận được hoàn phục thanh tịnh nên không tự trách mình. 2) Do chấm dứt sự vô tri, nên không sợ Trời khiển trách. 3) Đã sinh ý niệm không phạm thì không sợ danh tiếng xấu. 4) Có ăn năn với bạn đồng tu, nên không sợ trách cứ. 5) Phật thuận cho sám hối trừ tội nên không sợ ác đạo. Nhưng nghĩa thật năm tướng này là chung cho phần chủ thể đối trị ở năm thứ đã nói ở trước.

Sớ câu: “Luận Câu Xá quyển Thứ mười chín nói: Một là mạn”: văn nơi Luận đã nêu đủ. Phần Sớ giải dẫn Luận ấy để giải thích đoạn kinh hiện tại. Sợ không rõ về chủ, khách nên nay lại nêu dẫn đủ. Luận

Câu Xá viết:

*“Mạn bảy, chín, từ ba  
Đều chung Kiến Tu đoạn”.*

Luận Du Già, Tạp Tập, đại thể là đồng với Luận Câu Xá. Nay dựa nơi Luận Câu Xá, văn nơi phần Sơ giải gồm ba”

Một: Dựa vào Luận để nêu ra tên gọi.

Hai: Từ câu: “Nay văn chia ra” tiếp xuống: Là đối chiếu với văn để chia, hợp.

Ba: Từ câu: “Ba thứ trước tức là Mạn” tiếp xuống: Là giải thích văn. Trước hết là giải thích riêng về ba thứ đầu. Trong đó gồm hai ý:

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Từ câu: “Nên Luận kia viết” tiếp xuống: Là hoàn toàn dẫn văn của Luận để chính thức giải thích về nghĩa của Mạn.

Từ câu: “Thứ nhất là khinh người” tiếp xuống: Là giải thích riêng về ba câu.

Sơ từ câu: “Trong bốn, tự cao” tiếp xuống: Là giải thích về Quá Mạn.

Từ câu: “Là đối với người khác” tiếp xuống: Đều là văn của Luận.

Trong phần năm (Mạn quá Mạn) gồm hai:

Một là: Chỉ ra chỗ đồng để kết hợp giải thích.

Hai là: Từ câu: “Có đức thì nên” tiếp xuống: Là dùng Kinh dựa Luận để giải thích văn đầy đủ nói: “Người khác hơn, lại cho rằng mình hơn, đó gọi là Mạn quá mạn.

Sáu là Tà mạn. Luận nói đầy đủ: “Ở trong chỗ thực sự không có đức mà cho là mình có đức, gọi là Tà mạn”. Phần trên đều là văn của Luận. Phần tiếp sau tức Luận giải thích.

Từ câu: “Tự dấy khởi sự phỉ báng” tiếp xuống: Là phần Sơ giải nhắc lại Kinh hiện tại để kết hợp thông tỏ về văn của Luận. Bảy là Ty mạn: Trong đó phần Sơ giải đã dùng Kinh, dựa theo Luận để giải thích.

Từ câu: “Tức tự câu tòa cao” tiếp xuống: Là văn của Luận. Văn đầy đủ là: Ở chỗ phân nhiều hơn mà cho là mình ít, kém, gọi là Ty mạn”. Phần còn lại đều là Sơ giải thích.

“Tám cũng là Tà mạn” Tức Từ câu: “Thấy người có đức” tiếp xuống: Dè bỉu, nói lời thô ác tức là Hành ác, đây tức đem phần “tạo tác hành ác” trong Luận ở trước để thâm tóm.

“Chín, nói: chỗ thâm tóm của Ngã mạn”: Tức dùng kinh giải thích,

xác nhận, biết là Ngã mạn. Như văn của Luận đầy đủ là: “Chấp Ngã, Ngã sở, khiến Tâm, cao ngạo, gọi là Ngã mạn, là cây vào Ngã để dấy khởi”.

**Giải thích:** Phần số, vì dễ lãnh hội, nên không dẫn Luận để giải thích.

Từ câu: “Mười tức Tăng thượng mạn” tiếp xuống: Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Thứ nhất: Dùng kinh để lãnh hội Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Phần kia chỉ cho” tiếp xuống: Là tùy chỗ khó để giải thích lần nữa.

Nơi phần Thứ nhất, văn của Luận đầy đủ là: “Chưa chứng đắc mà cho là chứng đắc, gọi là tăng thượng mạn”.

Luận Du Già viết: “Mình thật sự không có đức mà cho là mình có đức”. Luận Tạp Tập giải thích: “Nghĩa là ở chỗ chưa chứng đắc pháp thù thắng mà cho là mình đã chứng đắc pháp ấy”. Phần số đã kết hợp để giải thích. Văn của Luận dễ lãnh hội, có thể nhận biết.

Phần trên đã nêu kệ của Luận Câu Xá: “Mạn bảy, chín từ ba: “Tức chín mạn đã từ ba mạn của bảy mạn trước mà sinh.

Nói: “Chín Mạn”: Luận Phát Trí viết:

- 1) Mạn cho mình hơn.
- 2) Mạn cho mình bằng.
- 3) Mạn cho mình kém.
- 4) Mạn có hơn mình.
- 5) Mạn có bằng mình.
- 6) Mạn có kém mình.
- 7) Mạn không hơn mình.
- 8) Mạn không bằng mình.
- 9) Mạn không kém mình.

Nói: “Từ ba”: Tức là: Mạn, Quá mạn và Ty mạn.

Trong ba thứ đầu trong chín thứ nêu trên thì 1) “Loại Mạn cho mình hơn” đã từ “Quá mạn” ở trước sinh ra. 2) “Loại Mạn cho mình là bằng” đã từ “Mạn” ở trước sinh ra. 3) “Loại Mạn cho mình kém” đã từ “Ty mạn” mà ra.

Ba thứ bốn, năm, sáu, như thứ lớp, đã từ Ty mạn, Mạn và Quá mạn mà ra. Ba loại bảy, tám, chín, như thứ lớp, đã từ Mạn, Quá mạn và Ty mạn mà ra.

**Giải thích:** Chín Mạn nêu trên đã từ ba Mạn sinh ra, tức thành ba- ba, đều có Tướng riêng, Luận không giải thích, nhưng xét kỹ thì có

thể nhận thấy.

Nói: “Đều chung Kiến Tu Đạo”: Tức bảy, chín giống nhau nên gọi là “đều chung”. Duyên nơi chỗ đoạn của Kiến đạo dấy khởi, nên gọi là Kiến Sở đoạn”, duyên nơi sự để khởi, gọi là “Tu Sở đoạn”.

Sớ câu: “Nếu căn cứ nơi tám Mạn”: Tức ý nơi sách “San định Ký”. Kinh Niết-bàn, Luận Thành Thật đều có nói đến tám Mạn, Đại sư Trí Giả của Tông Thiên Thai đã dẫn kinh Văn Thù Vấn để giải thích tám thứ chim nơi Kinh Pháp Hoa, nêu rõ về tám Mạn. Tức là:

Một: Mạn về sự cường tráng như chim Cú tai mèo.

Hai: Mạn về Tánh như chim Kiêu.

Ba: Mạn về sự giàu có như chim Điêu.

Bốn: Mạn về sự tự tại như chim Thứu.

Năm: Mạn về thọ mạng như chim Quạ.

Sáu: Mạn về sự thông minh như chim Thước.

Bảy: Mạn về sự hành thiện như chim Cừu.

Tám: Mạn về sắc như chim Bồ câu.

(Quyển thứ năm mươi chín).

Sớ câu: “Trong các Kinh Luận phần nhiều dùng duyên Thứ nhất”: Tức nay Bồ-tát ấy tự nhiên hóa sinh. Trí Luận đều ghi như thế. Sách Thám Huyền Ký có nêu câu hỏi. Căn cứ Kinh này nói Phật ở Đâu suất mạng chung liền nhập vào thai... Vì cơ gì Nhiếp Luận (đời Lương) nói Phật Hóa thân ở trung ấm trong hai mươi năm. Nơi sách Kim Quang Minh Số, Tam Tạng Chân đế đã giải thích: “Có bộ phái riêng của Tiểu thừa nói: Thuận cho đời Cha mẹ thọ sinh xong lên có hai mươi năm ở thân trung ấm”.

**Giải thích:** Đây do kiến giải, căn cứ bất đồng. Nói hai mươi năm... chứng tỏ kiến giải kia thấp kém.

Sớ câu: “Năm thứ nguyện Hóa sinh”: Tức nêu rõ chẳng phải là mất đi rồi sinh.

Sớ câu: “Ai có thể đối với Phật ỷ thị về chủng tộc?”.

Kinh Thụy Ứng viết: “Từ kiếp sơ trở đi đời đời truyền thừa làm Chuyển Luân Thánh Vương. Bốn đời gần đây nhất, tuy không làm Chuyển Luân Thánh Vương mà làm Vua nơi thế gian, nên rõ là muôn đời là chủng tộc Kim luân, nên chủng tộc là Vô thượng.

Sớ câu: “Nói Tạng Trí Tuệ là Thai Tạng”: Là hiển bày về Trí tuệ đức sinh ra Phật, do lìa bỏ “Cấu tạng” là Đoạn đức, do Pháp giới tạng là một trong năm Tạng, chính là Pháp thân. Tám tức là Bát-nhã. Chín tức là Giải thoát. Tức là dùng ba đức làm Thai tạng. Cho nên phần sau,

Sớ giải đã hợp làm Chủ thể, đối tượng. Trí của sự chứng đắc cùng với sự đoạn trừ đều là Chủ thể chứng đắc.

Sớ câu: “Mười phương đều đi bảy bước”: Tức nơi Kinh đại Bát Niết-bàn, quyển thứ tư, Phẩm Như Lai Tánh đã nói về sự kiện Phật thị hiện dẫn sinh nơi vườn Lâm Vi Ni, nơi mười phương đều đi bảy bước. Kinh viết: Nay Thiện nam! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni ở cõi Diêm phù đề này, Như Lai thị hiện từ mẫu là Ma gia phu nhân mà sinh ta. Sinh rồi liền có thể đứng lên bước đi bảy bước về phía Đông, xương lồi nói như thế này: Ta là bậc tôn quý nhất, cao thượng nhất trong người, trời, A-tu-la. Lúc ấy, Cha mẹ của Ta và Trời người thấy lấy làm kinh ngạc, vui mừng sinh tâm chưa từng có. Nhưng mọi người v.v... nói Ta là đứa bé thân này của Như Lai từ lâu xa vô lượng kiếp xa lìa pháp cấu nhiễm, thân như thế tức là Pháp thân chẳng phải là cái thân từ máu thịt xương tủy hình thành. Vì tùy thuận theo chúng sinh ở thế gian nên Như Lai thị hiện là thân đứa bé ấy. Lại bước về phía Nam bảy bước thị hiện muốn vì chúng sinh vô lượng tạo ruộng phước tối thắng. Lại bước về phía Tây bảy bước thị hiện đời sống này là thân cuối cùng vĩnh viễn đoạn dứt sự già chết. Phía Bắc đi bảy bước là thị hiện đã vượt qua các sinh tử trong cõi hữu. Còn phía Đông là thị hiện làm bậc Đạo sư đứng đầu dẫn dắt cho chúng sinh. Bảy bước đi ở bốn phương bằng (Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc) là thị hiện đoạn trừ các loại phiền não, bốn chủng tánh Ma, thành tựu quả Như Lai Ứng cúng Chánh Biến Tri, bảy bước ở phương trên thị hiện không bị các vật bất tịnh làm chướng ngại, cũng như hư không, bảy bước ở phương dưới là thị hiện như đám mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, khiến cho chúng sinh kia thọ nhận sự an lạc bình ổn, đồng thời cũng là thị hiện như sương, bảo cho những người hủ phạm cấm giới.

Sớ câu: “Hiện bày sự tự tại hi hữu kỳ lạ”: Là hiển bày tổng quát về ý chính.

Sớ câu: “Như Cù Ba” Tức nơi quyển thứ bảy mươi lăm đã nói rộng về nhân duyên khởi.

Sớ câu: “Ba là, một lời mắng Phật, sáu năm thọ nhận sự đói khổ, sự việc như nơi Kinh Đại thừa Phương Tiện đã nêu”:

Kinh này gồm ba quyển, cũng được đưa vào Bộ Bảo Tích, chính là phần Thứ nhất trăm sáu mươi tám, đấy là Kinh một trăm lẻ bảy...

Sớ câu: Bốn là chúng sinh của năm thứ ô trước đều có tội nặng ... cho đến câu “Cũng như Kinh kia nói”: Tức phần sau của Kinh đại Phương Tiện...

Sớ câu: “đều nêu bày chỉ rõ là từ lâu đã được hàng phục”: Tức nơi Kinh đại Bát Niết Nàn, quyển thứ hai, Phật thuận thọ nhận sự cúng dường của Thuần đà, nói: “Thí thực có hai trường hợp, quả báo không sai biệt”. Những gì là hai?

Một là thọ nhận xong lên chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng chánh giác.

Hai là thọ nhận xong thì nhập Niết-bàn.

Thuần đà đã nêu câu hỏi, cho rằng: “Vị thọ thí trước là Thân tạp thực, thân còn phiền não. Vị thọ thí sau là Thân Kim cương, là Pháp thân thường hằng, há có thể cho là đồng”. Phật đáp lại: “Lúc thành đạo, Bồ-tát phá diệt bốn Ma. Nay nhập Niết-bàn cũng phá trừ bốn Ma. Cho nên Như Lai nói quả báo của sự thí thực bình đẳng không sai khác”. Phần sau cùng nói: “Thân của Như Lai đã từ Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp chẳng thọ nhận sự ăn, uống”...

**Giải thích:** Thân ấy không thọ nhận sự ăn uống, tức hiển bày thân ấy từ lâu đã hàng phục các Ma.

Sớ câu: “Ma vương phần nhiều là đại Bồ-tát”: Tức nơi Kinh Tịnh Danh, quyển thứ hai, Phẩm Bát Tư Nghị. Tôn giả đại Ca Diếp tán thán. “Bấy giờ, trưởng giả Duy ma thưa với Trưởng giả đại Ca Diếp: Thưa nhân giả! Ma vương nơi vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trong mười phương, đa số là Bồ-tát trụ nơi pháp giải thoát không thể nghĩ bàn, dùng diệu lực của phương tiện giáo hóa chúng sinh nên hiện làm Ma vương...”

Sớ từ câu: “Không có Ma ác” tiếp xuống: Tức cũng là ý của Kinh Đại thừa Phương Tiện. Văn của Kinh đầy đủ là: “Bồ-tát an tọa nơi cõi Bồ đề khiến Ma Vương Ba Tuần đến nơi cõi Bồ đề ấy, Ma chẳng muốn khiến cho Bồ-tát thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng, chánh giác. Nay Thiện nam! Ma vốn chẳng thể đến nơi cõi Bồ đề. Nếu Như Lai không gọi mà có thể đến thì không có điều ấy. Nay Thiện nam! Bấy giờ Bồ-tát ngồi dưới cõi Bồ đề suy niệm thế này: “Bốn thiên hạ này, ai là người tôn kính bậc nhất? Bốn thiên hạ này, nay thuộc về ai? Suy niệm xong, Bồ-tát liền biết ác Ma Ba Tuần là bậc tôn kính nhất của cõi Dục. Nay Ta với Ma cùng tranh đấu. Nếu Ma không bằng ta thì tất cả chúng sinh hiện có ở cõi Dục này cũng không bằng Ta.

Lúc ấy, Trời, người thấy đều tụ tập hòa hợp mà đến dưới cõi Bồ đề, thấy đều phát tâm tin thuận thanh tịnh”. Tiếp theo dẫn ý: “Chúng Ma, Chúng trời, bát bộ thấy Bồ-tát thi thố thần thông tự tại phát tâm Bồ đề, thấy đều được giải thoát.

Sớ câu: “Một là chỉ rõ việc dùng đức để tranh biện”: Tức đối với



hàng “tiểu nhân” thì dùng sức để tranh biện.

“Hai là đã phá trừ Ma thì Phật còn ai hơn?” Chử dũ (hơn) cũng như là thắng. Văn của Kinh tự hiển bày, cũng là ý của Kinh Đại thừa Phương Tiện. Nhân duyên sự việc tức văn kinh tiếp nói: “Này Thiện nam! Bồ-tát suy nghĩ như thế rồi, phóng hào quang ở tướng lông trắng giữa chân mày, làm cho cung điện ma ba tuần bị át sáng, trở nên tối tăm, ba ngàn đại thiên thế giới nhờ ánh hào quang chiếu đến, bừng sáng hẳn lên, trong sáng ấy vang lên tiếng nói: “Người họ Thích kia xuất gia học đạo nay sẽ thành đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, vượt qua cảnh giới ma, vượt qua ngoài chúng ma, giảm tổn tất cả Chúng ma sau này... Khiến cho Bồ-tát kia cùng tranh đấu với Ma”. Này thiện nam! Lúc đó Ma ba Tuần nghe tiếng ấy, tâm thật buồn rầu, như tên đâm vào tim, bèn huy động bốn loại binh lính tinh nhuệ, dẫn đầy khắp ba mươi sáu do tuần, muốn làm trở ngại Bồ-tát. Bồ-tát bấy giờ an trụ trong Đại Từ Bi, Đại Trí tuệ; bằng trí tuệ vận dụng cánh tay sắc vàng chỉ xuống dưới đất, thì tất cả chúng ma tìm đến, liền hủy hoại tiêu tan. Dẹp tan chúng ma xong, chúng Bát bộ thấy thân tướng Bồ-tát thật là uy đức, nhiệm mầu khác lạ, dung mạo đoan nghiêm, uy lực đồng mạnh, bèn phát tâm Bồ đề, vô thượng Chánh đẳng, chánh giác. Đó gọi là bậc Bồ-tát thực hành phương tiện.

Sớ câu: “Cùng với Kinh Bản Hạnh tập”: Ý chính thì đồng, chỉ có văn nơi Kinh này thì diễn rộng.

Câu: “Bấy là một lần bị hàng phục, cho đến cuối đời trở lại hộ pháp”: Cũng nơi Kinh đại Bát Niết-bàn. Kinh viết: “Bấy giờ, chủ cõi Dục là Ma vương Ba Tuần cùng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các chúng gái đẹp và các chúng trời quyến thuộc mở cửa địa ngục ban cho nước thanh tịnh. Nhân đây Phật bảo: Các ông không hề có khả năng làm được, chỉ nên chuyên niệm đến Như Lai Chánh biến tri để tạo dựng sự cúng dường tùy hỷ cuối cùng, khiến cho các ông được vui sướng an ổn lâu dài. Lúc ấy, Ma ba tuần ở địa ngục dứt hẳn các đạo kiếm... Tiếp nói: “Cầm các vật dụng để cúng dường, hơn cả hết thủy lễ vật của trời người, đầy cả trung thiên thế giới, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, bạch rằng: Chúng sinh nay rất yêu thích pháp Đại thừa, xin nguyện bảo vệ gìn giữ pháp ấy”. Bạch đức Thế tôn! Nếu có thiện nam! Thiện nữ nào vì cúng dường vì sợ hại, vì lừa dối người khác, vì tài lợi, vì theo người khác nhập pháp Đại thừa ấy. Hoặc là giả là thật, chúng con lúc đó sẽ vì họ tuyên nói chú như thế này.

“Trác chỉ trá, trá la trác, chỉ lô ha, lệ ma ha, lô ha lê, ha la giá, la

đa la sa ha”.

Số câu: “Tiểu thừa do Nhân Minh giác lệ thuộc nơi bốn đế”: Tức đã gặp nơi Phẩm xuất Hiện, trong chương nói về Pháp Luân.

Số câu: “Bốn Trí tiếp theo gồm đủ tức bốn Tất đàn”: Tức nơi Phẩm Vấn Minh đã diễn rộng. Là Trí Luận, quyển Thứ nhất có phần giải thích riêng. Gọi chung là Tất đàn, các vị Tam tạng dịch Kinh đều cho là Tông chỉ của ý nghĩa. Gọi đủ là “Tất Đàn” đa, có chỗ cho là “Thí khắp” nên dùng ý để giải thích.

Số từ câu: “Thứ mười là Niết-bàn” tiếp xuống: Gồm hai:

Một: Biện minh tổng quát.

Hai: Từ câu: “Hai ý đầu” tiếp xuống: Là giải thích riêng.

Trong phần này tức dùng nơi Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai, nhân các Tỳ kheo nói về việc tu ba pháp, tán thán về Vô thường v.v...

Phần sau là chính thức thuyết giảng. Kinh viết: “Chư vị nếu nói rằng mình cũng tu tập pháp quán về Vô thường, Khổ, Vô ngã, thì ba môn tu tập này không có thật nghĩa. Như Lai nay sẽ nói về ba pháp tu thù thắng. Khổ cho là Vui, Vui cho là Khổ, là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, Thường cho là Vô thường, là pháp điên đảo. Vô ngã cho là Ngã, Ngã cho là Vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là Tịnh, Tịnh cho là Bất tịnh, là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như tức là là người chẳng rõ các pháp tu chân chính. Tỳ kheo các vị, ở trong pháp Khổ sinh tưởng về Vui, ở trong Vô thường sinh tưởng về Thường, ở trong Vô ngã sinh tưởng về Ngã, ở trong Bất tịnh sinh tưởng về Tịnh.

Thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không có thật nghĩa. Pháp xuất thế gian có văn tự có thật nghĩa. Vì sao? Vì pháp của thế gian có bốn điên đảo nên không biết thật nghĩa. Vì sao? Vì có Tưởng điên đảo, Tâm điên đảo, kiến điên đảo, do ba thứ điên đảo này nên người thế gian ở trong vui thấy Khổ, trong Thường thấy Vô thường, trong Ngã thấy Vô ngã, trong Tịnh thấy Bất Tịnh, đó gọi là điên đảo. Cho nên thế gian biết văn tự mà không biết thật nghĩa. Những gì gọi là Thật nghĩa: Vô ngã gọi là sinh tử. Ngã gọi là Như Lai. Vô thường là Thịnh vãn, duyên giác. Thường là Pháp thân Như lai. Khổ là tất cả ngoại đạo. Vui tức là Niết-bàn. Bất tịnh là pháp Hữu vi. Tịnh là chánh pháp của chư Phật, Bồ-tát. Đây gọi là chẳng điên đảo, do chẳng điên đảo nên biết về văn tự biết về thật nghĩa. Nếu muốn xa lìa bốn điên đảo thì phải biết về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh như thế”.

**Giải thích:** Trên đây là dẫn đầy đủ văn của Kinh, do một câu ấy đa phần được dùng.

Câu: “Ba là biện minh Niết-bàn là Lạc (vui), là chuyển ngược phần Vô lạc (Không vui) ở trên”: Là phần thứ hai:

Nói: “Do Niết-bàn” tiếp xuống: Là nêu ra lý do được mang tên là Lạc.

Câu: “Bốn là chuyển ngược Sắc thân Vô thường v.v...”: Văn nơi phần Sơ giải gồm ba:

Một: Chính thức giải thích: Tức ở trên, kinh viết: “Thường là Pháp thân Như Lai”.

Hai: Từ câu: “Nên Tấn Kinh nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng để xác nhận về nghĩa Thường, do văn của Kinh hiện tại thiếu chữ Thường, sợ có người lầm cho đây là hiển bày đức Tịnh, nên tiếp theo là dẫn chứng.

Ba: Từ câu: “Do Pháp thân” tiếp xuống: Là giải thích, xác nhận lý do Pháp thân riêng được gọi là Thường. Cũng gồm luôn việc hiển bày chỗ dùng chữ Pháp thân ở đây, là do ba đức nơi đại Niết-bàn.

Từ câu: “Nay đã ra khỏi Triền phược” tiếp xuống: Là làm rõ so với Kinh đại Bát Niết-bàn có chỗ khác nhỏ về Tướng.

Sơ câu: “Ba câu tiếp theo là nêu rõ về sinh tử, Vô ngã”: Tức nơi phần kinh ở trên viết: “Vô ngã, đó gọi là sinh tử”.

Sơ câu: “Tám là nêu rõ Niết-bàn là chắc thật, tức Ngã, tự tại”:

Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi bảy viết: “Ngã tức là đại Niết-bàn”. Phần đã dẫn ở trên thuộc quyển thứ hai nói: “Ngã, tức là Như Lai”.

Tự căn cứ nơi nghĩa riêng đến phần sau sẽ giải thích. Nay, nêu rõ về Niết-bàn là nghĩa Ngã.

Nói: “Cũng gồm luôn cả nghĩa Thường”: Do có từ “chắc thật”. Nhưng Thường đã phối kết với Pháp thân, nên ở đây là thuộc về Ngã.

Sơ câu: “Chín là chuyển ngược Hữu vi v.v...”: Văn gồm ba:

Một: Chính thức giải thích. Tức ở phần Kinh Niết-bàn đã dẫn trên, viết: “Tịnh là chánh pháp của chư Phật, Bồ-tát, không sinh, không khởi”. Thể của Bát-nhã nên cũng gọi là Chánh pháp. Đại sư Tuệ Viễn nói: “Chánh pháp gọi riêng về Tịnh, là do đối trị chướng ngại”. Tức ấy là căn cứ nơi pháp bảo trong Tam bảo để nêu.

Hai: Từ câu: “Nhưng là Niết-bàn tánh tịnh” tiếp xuống: Là chính thức hiển bày về Thể của Pháp tịnh nơi Kinh hiện tại. Niết-bàn tánh tịnh, ba đức vốn gồm đủ, chẳng do đối trị Tịnh, theo duyên sinh tử. Tức

Kinh nêu: “Nhưng có tụ tập, tán hoại, là Tánh của Tướng, tức không sinh, không khởi. Như thế mới là Chánh pháp của Niết-bàn”. Do căn cứ nơi Niết-bàn để nói về đức Tịnh, chẳng đồng với Kinh Niết-bàn quyển thứ hai căn cứ riêng nơi Chánh pháp.

Ba: Từ câu: “Nhưng Niết-bàn quyển thứ hai” tiếp xuống: Là kết hợp để thông tỏ về Niết-bàn.

Niết-bàn quyển thứ hai căn cứ nơi nghĩa Như Lai là Ngã. Nay thì nói về Niết-bàn nên chẳng đồng với phần ấy.

Số từ câu: “Rõ là bốn đức như Thường v.v...” tiếp xuống: Là phần hai, chính thức giải thích văn trên, về lý do chẳng đồng so với Kinh Đại Bát Niết-bàn. Kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi bảy viết: “Không” đó là sinh tử. Chẳng không đó là Đại Niết-bàn. Vô thường đó là sinh tử. Thường tức là Đại Niết-bàn. Vô ngã, đó là sinh tử. Ngã tức là Đại Niết-bàn. Khổ, đó là sinh tử. Lạc là Đại Niết Bàn”. Tức gồm đủ bốn đức.

Chánh pháp của Như Lai cũng gồm đủ bốn đức.

Nói: “Từ nghĩa riêng đều hiển bày chỗ chẳng đồng”: Tức ý nơi kinh Niết-bàn quyển thứ hai, Đại sư Tuệ Viễn cũng nói: “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Lý, mà chung khắp cho tất cả pháp Phật. Nhưng nay ẩn, hiển về Ngã nên dựa riêng nơi người. Ba đức kia là căn cứ ở Pháp. “Ngã là Phật”: Tự tại gọi là Ngã, diệu dụng của tự tại ở nơi người của Phật, nên nói là Ngã. Lại nữa, Ngã là cách gọi riêng của con người, nên dựa theo con người của Phật mà nói là Ngã. “Thường là Pháp thân”: Thể của Phật hiển bày tức pháp của gốc thành tựu. Tánh xuất hiện từ xưa, Thể không biến đổi. Thuận theo nghĩa Thường để hiển bày nên gọi là Thường.

“Lạc gọi là Niết-bàn”: Niết-bàn là diệt, diệt lìa các khổ, hiển bày nghĩa tịch diệt, nên gọi là Lạc.

“Tịnh là pháp” tức Thể của Pháp bảo trong Tam bảo. Có thể đối trị, vượt hơn, nên gọi là Tịnh.

**Giải thích:** Phần nêu dẫn trên, trong Sở giải phần nhiều đã dùng dựa theo nghĩa ẩn giấu nên có cải đổi nhỏ.

Số từ câu: “Trên là dùng bốn sự tươi tốt” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận việc phá trừ điên đảo. Diễn rộng như văn nói địa thứ tư. Tóm lược thì như trong phần kệ nơi văn Kinh Niết-bàn đã dẫn ở trên.

Số từ câu: “Bốn là Ca lâu la” tiếp xuống: Có sáu kệ, trong đó, kệ thứ năm viết:

“Trí Bồ-tát trắng sáng” v.v...

Luận giải thích kinh nói:

*“Bồ-tát trắng trong mát  
Đến nơi Rốt ráo không  
Ánh sáng chiếu ba cõi  
Tâm pháp đều hiện khắp”.*

Phần còn lại có thể nhận biết.

-----